

Số: 205/SXĐ-PTĐT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2020

Về việc phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đối với các hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2020.

Kính gửi:

- Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Kiên Giang;
- Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Kiên Giang.

Thực hiện Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh công bố tình hình hạn hán, xâm nhập mặn trên diện rộng thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang; Thông báo số 171/TB-VP ngày 11/02/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Vũ Hồng tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành trong năm 2020 và Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thoát nước, thất thu nước sạch tỉnh Kiên Giang.

Sở Xây dựng đề nghị các Đơn vị cấp nước triển khai phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đối với các hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2020, như sau:

1. Quan trắc, kiểm tra diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn trên các tuyến kênh, trong vùng bảo hộ khu vực lấy nước sinh hoạt do mình trực tiếp khai thác, sử dụng.

2. Chủ động tích trữ nước tại các hồ chứa làm nguồn cung cấp cho các nhà máy nước Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Lương... phù hợp công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi; Đảm bảo tích nước an toàn đối với hạ lưu hồ Dương Đông, huyện Phú Quốc.

3. Rà soát, kiểm tra các trạm cấp nước, các giếng khoan nước ngầm hiện có (bao gồm các giếng khoan do UNICEF tài trợ trên địa bàn Phú Quốc; các giếng khoan tại khu đô thị Phú Cường, đường Trần Quý Cáp, thành phố Rạch Giá...) đảm bảo yêu cầu khai thác làm nguồn dự phòng; tiến hành khảo sát một số vị trí để bố trí khoan giếng nước ngầm bổ sung trong trường hợp cần thiết.

4. Xây dựng kế hoạch điều tiết, cắt giảm công suất cấp nước sinh hoạt đối với địa bàn thành phố Rạch Giá, huyện đảo Phú Quốc, Hà Tiên- Kiên Lương- Hòn Chông... đảm bảo nhu cầu sử dụng nước tại các công trình y tế, giáo dục.

5. Trong tình huống cấp bách, không lấy được nước mặt, do nước mặn xâm nhập sâu, thực hiện các biện pháp sau:

5.1. Hệ thống cấp nước thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất (đảm bảo cấp nước dự phòng trong **20 ngày**);

- Dung tích hồ Vĩnh Thông và kênh Tà Tây: 560.000 m<sup>3</sup>.



- Tổng nhu cầu cấp nước khoảng 70.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, gồm:
  - + Nhà máy nước Rạch Giá công suất 58.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (bao gồm mua qua đồng hồ tổng của Công ty Thạnh Lộc 3.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).
  - + Mua qua đồng hồ tổng của Nhà máy nước Nam Rạch Giá 12.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Sau 02 ngày không thu được nước vào hồ (dung tích hồ chứa còn lại 450.000 m<sup>3</sup>), sang ngày thứ 3 tiết giảm công suất **55.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đạt tối thiểu 78,5% nhu cầu, duy trì thời gian tối đa trong 20 ngày.** Trong đó, gồm:

TT	Nhà máy nước/nguồn cấp nước bổ sung	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
1	Nhà máy nước Rạch Giá (tiết giảm công suất)	22.000
2	Hệ thống nước ngầm (dự phòng) công ty quản lý	23.000
3	Mua qua đồng hồ tổng của Nhà máy nước Nam Rạch Giá,	7.000
4	Mua qua đồng hồ tổng của Công ty Thạnh Lộc	3.000
<b>Tổng công suất</b>		<b>55.000</b>

- Sau ngày thứ 22 vẫn không thu được vào hồ, hệ thống cấp nước chủ yếu là nguồn nước ngầm (dự phòng) và mua qua đồng hồ tổng từ nguồn nước bổ sung của nhà máy nước Nam Rạch Giá và Công ty Thạnh Lộc. Tổng công suất **33.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đạt 47,1% nhu cầu.** Trong đó, gồm:

TT	Nhà máy nước/nguồn cấp nước bổ sung	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
1	Nhà máy nước Rạch Giá	0
2	Hệ thống nước ngầm (dự phòng) công ty quản lý	23.000
2.1	Lê Quý Đôn (Vĩnh Bảo)	1.000
2.1	Cầu Vành Đai (Vĩnh Hiệp)	2.000
2.1	Cầu Nguyễn Văn Cừ (Vĩnh Hiệp):	2.000
2.4	Tầng áp Lê Hồng Phong (An Hòa):	2.000
2.5	Sân bay Rạch Sỏi (Vĩnh Lợi):	1.000
2.6	Chi nhánh cấp nước số 4	2.000
2.7	Giếng khoan hồ 10.000 m <sup>3</sup> (03 giếng)	3.000
2.8	Giếng khoan hồ 500.000 m <sup>3</sup> (10 giếng)	10.000
3	Mua qua đồng hồ tổng từ Nhà máy nước Nam Rạch Giá	7.000
4	Công ty Thạnh Lộc	3.000
<b>Tổng công suất</b>		<b>33.000</b>

## 5.2. Địa bàn huyện đảo Phú Quốc:

- Dung tích hồ Dương Đông: 3.800.000 m<sup>3</sup>
- Tổng công suất phát ra: 24.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Xây dựng Kế hoạch tiết giảm công suất;

- Thời gian duy trì đến đầu tháng 05/2020.
- Đầu tư xây dựng cụm xử nước công suất 800 -1.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tận thu nguồn nước rửa lọc của nhà máy, bổ sung thêm nguồn nước sạch cung cấp cho người dân.

5.3. Địa bàn thành phố Hà Tiên:

- Dung tích hồ: 1.000.000 m<sup>3</sup> (thu nước từ kênh T3, Nông trường, Trà phô);
- Tổng công suất phát ra: 10.600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
- Duy trì thời gian tối đa 90 ngày.

5.4. Hệ thống cấp nước huyện Kiên Lương:

- Dung tích hồ: 2.880.000 m<sup>3</sup> (thu nước mặt từ kênh Rạch Giá - Hà Tiên) .
- Tổng công suất phát ra: 6.500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
- Duy trì thời gian tối thiểu 250 ngày.

5.5. Hệ thống cấp nước Hòn Chông - Ba Hòn:

- Dung tích hồ: 450.000m<sup>3</sup> (thu nước mưa); hồ Sơn Trà 75.000 m<sup>3</sup>.
- Tổng công suất phát ra: 1.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
- Duy trì thời gian tối đa 150 ngày.

5.6. Đối với các đô thị khác (Minh Lương, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Thứ Ba, Thứ Mười Một, Vĩnh Thuận, Hòn Tre): chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống hạn mặn, đảm bảo nguồn cấp nước sinh hoạt trong phạm vi phục vụ của Đơn vị cấp nước.

*(Kèm theo phụ lục: Danh mục, quy mô các nhà máy nước khu vực đô thị)*

6. Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm; kịp thời thông báo kế hoạch điều tiết, cắt giảm công suất cấp nước cho các ngành, địa phương và người dân biết để chủ động trong sản xuất và sinh hoạt.

7. **Thứ Năm** hàng tuần, Báo cáo nhanh<sup>1</sup> về triển khai phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đối với các hệ thống cấp nước đô thị do các Đơn vị cấp nước quản lý, gửi về UBND tỉnh, Sở Xây dựng (Thường trực ban chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh) để kịp thời chỉ đạo, điều phối các hoạt động liên ngành giữa các sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố; Cập nhật thông tin hàng ngày đảm bảo yêu cầu báo cáo đột xuất, cấp bách.

<sup>1</sup> Báo cáo nhanh gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Tình hình diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn trên các tuyến kênh, trong vùng bảo hộ khu vực lấy nước sinh hoạt; (2) Dung tích khai thác còn lại của các hồ làm nguồn cung cấp cho các nhà máy nước; (3) Đề xuất Kế hoạch điều tiết, cắt giảm công suất cấp nước sinh hoạt (4) Trong tình huống cấp bách, không lấy được nước mặt, do nước mặn xâm nhập sâu: xác định công suất phát ra của hệ thống cấp nước và thời gian duy trì của hồ dự trữ.



Sở Xây dựng<sup>2</sup> đề nghị Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Kiên Giang và Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Kiên Giang triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thành phố;
- Như trên;
- Thành viên BCĐ (thành lập theo Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 của UBND tỉnh).
- C.ty CP tư vấn và cấp nước Đông Nam Á- Mêkông Rạch Giá;
- Công ty Thạnh Lộc;
- Công ty TTĐT Sở XD;
- Phòng PTĐT&HTKT;
- Lưu VT, dvphep.



**Lê Quốc Anh**

<sup>2</sup> Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Đ/c Đỗ Văn Phép (điện thoại: 0986 55 33 57; thư điện tử: [ptdt.sxd@gmail.com](mailto:ptdt.sxd@gmail.com) hoặc [dvphep.sxd@kiengiang.gov.vn](mailto:dvphep.sxd@kiengiang.gov.vn)) - phòng Phát Triển đô thị, Sở Xây dựng. Địa chỉ: 745B Nguyễn Trung Trực- phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**Phụ lục: Danh mục, quy mô các nhà máy nước và Đơn vị quản lý vận hành (theo Công văn số 205 /SXD-PTĐT ngày 19/02/2020 của Sở Xây dựng).**

TT	Nhà máy nước	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)	Đơn vị cấp nước
	<b>Tổng công suất:</b>	<b>145.036</b>	
<b>I</b>	<b>Vùng 1</b>	<b>77.600</b>	
1	NMN Rạch Giá	55.000	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
	NMN Thạnh Lộc	5.000	Công ty Thạnh Lộc
2	NMN Nam Rạch Giá (năng lực sản xuất 20.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm)	12.000	Công ty CP tư vấn và cấp nước Đông Nam Á- Mêkông Rạch Giá
3	TCN Minh Lương	2.000	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
4	TCN Tắc Cậu	2.400	
5	TCN Trường CĐCD KG	1.200	
<b>II</b>	<b>Vùng 2</b>	<b>23.200</b>	
6	NMN Hà Tiên	8.700	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
7	NMN Kiên Lương	10.000	
8	TCN Hòn Chông	2.000	
9	TCN Tân Khánh Hòa	2.500	TT nước sạch và VSMT nông thôn
10	TCN Vĩnh Phú		
<b>III</b>	<b>Vùng 3</b>	<b>4.400</b>	
11	TCN Tân Hiệp	2.400	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
12	NMN Thạnh Đông A	2.000	
<b>IV</b>	<b>Vùng 4</b>	<b>6.300</b>	
13	TCN An Biên	700	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
14	TCN An Minh	2.400	
15	NMN Thứ Bảy	2.400	
16	TCN Ngã tư Công Sự	800	TT nước sạch và VSMT nông thôn
17	NMN Sông Cái		
<b>V</b>	<b>Các đô thị còn lại</b>	<b>8.720</b>	
18	TCN Giồng Riềng	2.400	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
19	TCN Gò Quao	2.400	TT nước sạch và VSMT nông thôn
20	TCN Vĩnh Thuận	2.400	
21	TCN Thuận Hưng		
22	TCN Định An	320	
23	TCN Bình Minh		
24	TCN Vĩnh Hòa Hưng Nam	1.200	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
<b>VI</b>	<b>Đô thị hải đảo</b>	<b>24.816</b>	
25	NMN Phú Quốc	24.000	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
26	TCN Hòn Tre	576	TT nước sạch và VSMT nông thôn
27	TCN An Sơn	240	

Trong đó:

- Công ty TNHH MTV cấp thoát nước:	118.800 (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
- Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn:	9.236 (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
- Công ty CP tư vấn và cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá	12.000 (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
- Công ty Thạnh Lộc:	5.000 (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
- Nước mặt (82,3%):	119.316 (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
- Nước ngầm (17,7):	25.720 (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)